

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
**CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3490 /DNA-CĐVT

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 10 năm 2026

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ sửa  
chữa Máy nghiền bi A-04YH1S001a  
thuộc Phân xưởng Nguyên liệu – Hòa  
tách.

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa Máy nghiền bi A-04YH1S001a thuộc Phân xưởng Nguyên liệu – Hòa tách. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (theo phụ lục đính kèm).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 13/10/2026.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: [dnacdv@gmail.com](mailto:dnacdv@gmail.com) đối với file điện tử.

**Lưu ý:** Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC 



  
**Nguyễn Vũ Hoàng**

**Phụ lục 1:** Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa Máy nghiền bi A-04YH1S001a thuộc Phân xưởng Nguyên liệu - Hòa tách.

| STT                          | Tên vật tư           | Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm       | Đối tượng/vị trí sử dụng   | Đvt  | Số lượng | Ghi chú |
|------------------------------|----------------------|--------------------------------------------|----------------------------|------|----------|---------|
| (1)                          | (2)                  | (3)                                        | (4)                        | (5)  | (6)      | (7)     |
| <b>DANH MỤC VẬT TƯ CHÍNH</b> |                      |                                            |                            |      |          |         |
| 1                            | Vòng bi              | NU240 C3                                   | Máy nghiền bi A-04YH1S001a | Cái  | 1        |         |
| 2                            | Vòng bi              | 23044 CC/C3W33                             |                            | Cái  | 1        |         |
| 3                            | Vòng bi              | 6208-2Z                                    |                            | Cái  | 2        |         |
| 4                            | Vòng bi              | 22356 CC/W33                               |                            | Cái  | 2        |         |
| 5                            | Ống lót              | Ø300xØ275xØ276x274.8x12mm;<br>Vật liệu C45 |                            | Cái  | 1        |         |
| <b>DANH MỤC VẬT TƯ PHỤ</b>   |                      |                                            |                            |      |          |         |
| 1                            | Băng keo cách điện   | 5MILx3/4x20Y - màu đen                     | Máy nghiền bi A-04YH1S001a | Cuộn | 3        |         |
| 2                            | Bát đánh gỉ          | Ø100x16mm                                  |                            | Cái  | 35       |         |
| 3                            | Đá mài               | Ø100x6x16mm                                |                            | Viên | 54       |         |
| 4                            | Dầu bôi trơn         | Total Cirkar C 68                          |                            | Kg   | 86       |         |
| 5                            | Dầu chống gỉ         | RP7; 350g/bình                             |                            | Bình | 2        |         |
| 6                            | Giấy nhám            | 230x280mm; độ nhám #180                    |                            | Tờ   | 11       |         |
| 7                            | Giẻ lau              | Cotton; 30x30cm                            |                            | Kg   | 50       |         |
| 8                            | Khí gas thông thường |                                            |                            | Kg   | 285      |         |
| 9                            | Que hàn              | KT-421; 3.2mm                              | Máy nghiền bi A-04YH1S001a | Kg   | 350      |         |
| 10                           | Mỡ                   | Tottal EP2                                 |                            | Kg   | 51       |         |
| 11                           | Mực dấu xanh         | Shiny                                      |                            | Hộp  | 20       |         |

| STT                            | Tên vật tư           | Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm   | Đối tượng/vị trí sử dụng   | Đvt  | Số lượng | Ghi chú |
|--------------------------------|----------------------|----------------------------------------|----------------------------|------|----------|---------|
| (1)                            | (2)                  | (3)                                    | (4)                        | (5)  | (6)      | (7)     |
| 12                             | Khí oxy Thông thường | Độ tinh khiết >=99.5% (40 lít/bình)    | Máy nghiền bi A-04YH1S001a | Chai | 141      |         |
| 13                             | Que hàn              | ER70S-6 (T50G)                         |                            | Kg   | 288      |         |
| 14                             | Que hàn              | STANDHARD UL81                         |                            | Kg   | 180      |         |
| 15                             | Sơn cách điện        | Sk-03, 1 lít/bình                      |                            | Bình | 2        |         |
| 16                             | Sơn chống gỉ         | màu đỏ                                 |                            | Kg   | 32       |         |
| 17                             | Sơn phủ              | màu xanh dương                         |                            | Kg   | 7        |         |
| <b>PHỤC HỒI BẠC MÁY NGHIỀN</b> |                      |                                        |                            |      |          |         |
| 1                              | Bạc - máy nghiền bi  | MQY-3685, D=3600mm, L=8500mm, Q=152T/h | Máy nghiền bi A-04YH1S001a | Cái  | 2        |         |

**Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá**

| STT | Tên vật tư                   | Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm | Nhà sản xuất | Xuất xứ | Thời gian bảo hành | Thời gian, tiến độ cung cấp | Giấy tờ kèm theo | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------------------------------------|--------------|---------|--------------------|-----------------------------|------------------|-------------|----------|---------|------------|---------|
| (1) | (2)                          | (3)                                  | (4)          | (5)     | (6)                | (7)                         | (8)              | (9)         | (10)     | (11)    | (12)       | (13)    |
| 1   |                              |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
| 2   |                              |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
| 3   |                              |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | <b>Tổng cộng trước thuế:</b> |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | <b>Thuế GTGT:</b>            |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | <b>Tổng cộng sau thuế:</b>   |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |
|     | <b>Bằng chữ:.....</b>        |                                      |              |         |                    |                             |                  |             |          |         |            |         |

***Yêu cầu khác:*** Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.